



SAVICO

Saigon General Service Corporation

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÍ 1

Năm 2021



Saigon General Service Corporation

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 1, Tp.HCM

Mẫu số B 01a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Quý 1 năm 2021

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2021

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
TÀI SẢN				
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		228.323.645.123	201.345.323.887
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	59.842.865.053	34.580.235.727
1. Tiền	111		9.842.865.053	5.580.235.727
2. Các khoản tương đương tiền	112		50.000.000.000	29.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2a	41.922.281.096	36.922.281.096
1. Đầu tư ngắn hạn	121		42.800.022.740	42.800.022.740
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(20.877.741.644)	(20.877.741.644)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		20.000.000.000	15.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		41.284.594.492	29.429.592.912
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	15.254.851.568	12.749.519.907
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		2.306.233.298	1.503.999.460
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		15.000.000.000	9.000.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4a	8.723.509.626	6.176.073.545
IV. Hàng tồn kho	140	V.5	83.706.397.471	98.858.277.137
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.567.507.011	1.554.937.015
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		16.619.996	4.050.000
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.048.481.221	1.048.481.221
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.12b	502.405.794	502.405.794
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.141.074.496.692	1.139.673.670.823
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		161.086.292.675	160.990.609.121
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.4b	161.086.292.675	160.990.609.121
2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		19.391.722.503	3.457.055.708
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	18.810.698.796	2.813.573.669
- Nguyên giá	222		27.986.246.657	11.277.722.708
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(9.175.547.861)	(8.464.149.039)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.7	581.023.707	643.482.039
- Nguyên giá	228		1.586.370.000	1.586.370.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.005.346.293)	(942.887.961)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.8	113.989.651.386	114.851.340.198
- Nguyên giá	231		164.521.792.920	164.521.792.920
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(50.532.141.534)	(49.670.452.722)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.9	266.648.953.831	279.704.201.329
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		266.648.953.831	279.704.201.329
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	<i>V.2b</i>	573.835.778.222	573.835.778.222
1. Đầu tư vào công ty con	251		448.011.846.359	448.011.846.359
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		164.394.178.945	164.394.178.945
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(38.570.247.082)	(38.570.247.082)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		6.122.098.075	6.834.686.245
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		2.732.602.965	3.445.191.135
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	<i>V.10</i>	3.389.495.110	3.389.495.110
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.369.398.141.815	1.341.018.994.710
NGUỒN VỐN				
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		490.278.342.469	514.467.397.247
I. Nợ ngắn hạn	310		449.907.855.111	473.603.156.989
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	<i>V.11</i>	425.928.400	202.168.593
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		7.064.303.415	35.994.415.216
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	<i>V.12a</i>	14.326.826.238	2.083.340.631
4. Phải trả người lao động	314		7.632.516.496	14.830.385.698
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	<i>V.13</i>	13.498.643.548	14.560.370.479
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		9.000.000	-
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	<i>V.14a</i>	398.130.318.152	396.807.236.610
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		8.820.318.862	9.125.239.762
II. Nợ dài hạn	330		40.370.487.358	40.864.240.258
1. Phải trả dài hạn khác	337	<i>V.14b</i>	40.370.487.358	40.864.240.258
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	<i>V.15a</i>	879.119.799.346	826.551.597.463
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	<i>V.15b</i>	333.205.320.000	333.205.320.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		333.205.320.000	333.205.320.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		233.815.268.303	233.815.268.303
3. Cổ phiếu quỹ	415		(690.474.358)	(690.474.358)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		24.938.303.806	24.938.303.806
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		287.851.381.595	235.283.179.712
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		235.283.179.712	137.499.845.871
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		52.568.201.883	97.783.333.841
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.369.398.141.815	1.341.018.994.710

Người lập biểu



Nguyễn Thanh Phong

Kế toán trưởng



Ngô Văn Danh



Phạm Hồng Cửu Long



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 1, Tp.HCM

Mẫu số B 02a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý I năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý I		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			2021	2020	2021	2020
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	17.1	50.593.604.539	20.070.852.909	50.593.604.539	20.070.852.909
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02				-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		50.593.604.539	20.070.852.909	50.593.604.539	20.070.852.909
4. Giá vốn hàng bán	11	17.2, 17.4	23.012.008.316	7.559.311.534	23.012.008.316	7.559.311.534
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		27.581.596.223	12.511.541.375	27.581.596.223	12.511.541.375
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	17.3	44.866.502.914	21.271.030.084	44.866.502.914	21.271.030.084
7. Chi phí hoạt động tài chính	22		162.974.000	390.892.000	162.974.000	390.892.000
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		162.974.000	390.892.000	162.974.000	390.892.000
8. Chi phí bán hàng	24	17.4	261.301.438	511.763.377	261.301.438	511.763.377
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		7.941.316.745	9.541.080.116	7.941.316.745	9.541.080.116
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		64.082.506.954	23.338.835.966	64.082.506.954	23.338.835.966
11. Thu nhập khác	31		13.219.281	25.101.454	13.219.281	25.101.454
12. Chi phí khác	32		3.663	-	3.663	-
13. Lợi nhuận khác	40		13.215.618	25.101.454	13.215.618	25.101.454
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		64.095.722.572	23.363.937.420	64.095.722.572	23.363.937.420
Trong đó: Thu nhập không chịu thuế			44.486.710.000	20.406.986.500	44.486.710.000	20.406.986.500
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	17.5	11.527.520.689	-	11.527.520.689	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		52.568.201.883	23.363.937.420	52.568.201.883	23.363.937.420

Người lập biểu

Nguyễn Thanh Phong

Kế toán trưởng

Ngô Văn Danh
BCKQKD



Ngày 28 tháng 04 năm 2021

Tổng Giám đốc

Phạm Dương Cửu Long

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**(Theo phương pháp gián tiếp)
Quý 1 năm 2021

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			2021	2020
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		64.095.722.572	23.363.937.420
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ	02		1.635.545.966	1.134.784.975
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(44.866.502.914)	(21.271.030.084)
- Chi phí lãi vay	06		162.974.000	390.892.000
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		21.027.739.624	3.618.584.311
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(5.950.685.134)	(7.556.938.001)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		15.151.879.666	(704.563.864)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(35.879.549.467)	(4.568.081.881)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		700.018.174	152.325.756
- Tăng, giảm các khoản đầu tư ngắn hạn	13		(5.000.000.000)	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(9.950.597.137)	(8.858.673.679)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(3.653.276.451)	(459.739.591)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(15.000.000.000)	(7.500.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		9.000.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(3.000.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		44.866.502.914	21.271.030.084
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		35.213.226.463	10.311.290.493
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	-
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		25.262.629.326	1.452.616.814
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		34.580.235.727	68.534.196.705
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		59.842.865.053	69.986.813.519

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Nguyễn Thanh Phong

Ngô Văn Danh

Ngày 28 tháng 04 năm 2021
Ông Giám đốc

Phạm Trọng Cửu Long



Saigon General Service Corporation
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 1, Tp.HCM

Mẫu số B 02a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý 1 năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 1		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			2021	2020	2021	2020
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	50.593.604.539	20.070.852.909	50.593.604.539	20.070.852.909
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02				-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		50.593.604.539	20.070.852.909	50.593.604.539	20.070.852.909
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2, VI.4	23.012.008.316	7.559.311.534	23.012.008.316	7.559.311.534
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		27.581.596.223	12.511.541.375	27.581.596.223	12.511.541.375
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	44.866.502.914	21.271.030.084	44.866.502.914	21.271.030.084
7. Chi phí hoạt động tài chính	22		162.974.000	390.892.000	162.974.000	390.892.000
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		162.974.000	390.892.000	162.974.000	390.892.000
8. Chi phí bán hàng	24	VI.4	261.301.438	511.763.377	261.301.438	511.763.377
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		7.941.316.745	9.541.080.116	7.941.316.745	9.541.080.116
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		64.082.506.954	23.338.835.966	64.082.506.954	23.338.835.966
11. Thu nhập khác	31		13.219.281	25.101.454	13.219.281	25.101.454
12. Chi phí khác	32		3.663	-	3.663	-
13. Lợi nhuận khác	40		13.215.618	25.101.454	13.215.618	25.101.454
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		64.095.722.572	23.363.937.420	64.095.722.572	23.363.937.420
Trong đó: Thu nhập không chịu thuế			44.486.710.000	20.406.986.500	44.486.710.000	20.406.986.500
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.5	11.527.520.689	-	11.527.520.689	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		52.568.201.883	23.363.937.420	52.568.201.883	23.363.937.420

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Ngày 28 tháng 04 năm 2021
Tổng Giám đốc

Nguyễn Thanh Phong

Ngô Văn Danh
BCKQKD

Phan Dương Cửu Long



Saigon General Service Corporation

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN

Mẫu số B 03a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Quý 1 năm 2021

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			2021	2020
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		64.095.722.572	23.363.937.420
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ	02		1.635.545.966	1.134.784.975
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(44.866.502.914)	(21.271.030.084)
- Chi phí lãi vay	06		162.974.000	390.892.000
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		21.027.739.624	3.618.584.311
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(5.950.685.134)	(7.356.938.001)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		15.151.879.666	(704.563.864)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(35.879.549.467)	(4.568.081.881)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		700.018.174	152.325.756
- Tăng, giảm các khoản đầu tư ngắn hạn	13		(5.000.000.000)	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16			
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(9.950.597.137)	(8.858.673.679)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(3.653.276.451)	(459.739.591)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(15.000.000.000)	(7.500.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		9.000.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(3.000.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		44.866.502.914	21.271.030.084
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		35.213.226.463	10.311.290.493
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	-
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		25.262.629.326	1.452.616.814
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		34.580.235.727	68.534.196.705
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		59.842.865.053	69.986.813.519

Ngày 28 tháng 04 năm 2021

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thanh Phong

Ngô Văn Danh

Phan Dương Cửu Long



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÍ 1 NĂM 2021

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn:

- Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Quyết định số 3448/QĐ-UB do Ủy Ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 9 tháng 7 năm 2004 và được điều chỉnh theo Quyết định số 3449/QĐ-UB cấp cùng ngày.
- Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2009 với mã chứng khoán SVC.

2. Hoạt động chính:

- Dịch vụ và thương mại: kinh doanh, phân phối, sửa chữa và bảo trì xe ô tô, xe gắn máy và phụ tùng; kinh doanh trang sức, vật liệu xây dựng; cung cấp dịch vụ khách sạn và nhà hàng;
- Bất động sản: kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất; cho thuê nhà kho, văn phòng, trung tâm thương mại; đầu tư, phát triển các dự án bất động sản theo định hướng kinh doanh cao ốc văn phòng, căn hộ, các khu biệt thự và khu nghỉ dưỡng cao cấp;
- Dịch vụ tài chính: đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và vào cổ phiếu của các đơn vị khác hoạt động trong lĩnh vực thương mại và dịch vụ, bất động sản và cơ sở hạ tầng.

3. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường: 12 tháng;

II. CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP

a. Danh sách các Công ty con:

1. Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Đà Nẵng Sơn Trà
 - Địa chỉ: Bãi Trẹm, Quận Sơn Trà , TP.Đà Nẵng
 - Tỷ lệ phần sở hữu là: 98,23%
2. Công ty cổ phần Ô tô Vĩnh Thịnh
 - Địa chỉ: 55/5 khu phố Bình Giao, P. Thuận Giao, TX. Thuận An, tỉnh Bình Dương.
 - Tỷ lệ phần sở hữu là: 90%
3. Công Ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Sài Gòn.
 - Địa chỉ: 164-166C Đường 3/2, Phường Hưng Lợi, Quận Ninh Kiều, Tp.Cần Thơ
 - Tỷ lệ phần sở hữu là: 88,12%
4. Công ty Cổ Phần Ô Tô Sài Gòn Cửu Long

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Địa chỉ: 274 đường 30/4 - Quận Ninh Kiều - Cần Thơ
 - Tỷ lệ phần sở hữu là: 84,17%
5. Công ty Cổ Phần Ô tô Tây Bắc Sài Gòn
- Địa chỉ: 43/7A Ấp Xuân Thới Đông 2, Xã Xuân Thới Đông, Huyện Hóc Môn, Tp.HCM
 - Tỷ lệ cổ phần sở hữu: 99,9%
6. Công ty Cổ Phần OTOS
- Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 1, Tp.HCM
 - Tỷ lệ cổ phần sở hữu: 80,86%
7. Công Ty Cổ Phần Savico Hà Nội.
- Địa chỉ: 7-9 Đường Nguyễn Văn Linh, Quận Long Biên, Tp.Hà Nội.
 - Tỷ lệ phần sở hữu là: 70%
8. Công Ty Cổ phần Savico Đà Nẵng.
- Địa chỉ: 66 Võ Văn Tần, Quận Thanh Khê, Tp.Đà Nẵng
 - Tỷ lệ phần sở hữu là: 70%
9. Công Ty Cổ Phần Sài Gòn Ngôi Sao.
- Địa chỉ: 12-14-16 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Tp.HCM
 - Tỷ lệ phần sở hữu là: 56,98%
10. Công Ty Cổ phần dịch vụ Sài Gòn Ô tô.
- Địa chỉ: 61A Cao Thắng, Quận 03, Tp.HCM
 - Tỷ lệ phần sở hữu là: 52,05%
11. Công Ty TNHH TOYOTA Giải Phóng.
- Địa chỉ: 807 Giải Phóng, Quận Hoàng Mai, Tp.Hà Nội
 - Tỷ lệ phần sở hữu là: 64%
12. Công Ty TNHH Ô tô TOYOTA Cần Thơ.
- Địa chỉ: 71 Hùng Vương, P.Thới Bình, Q.Ninh Kiều, Tp.Cần Thơ.
 - Tỷ lệ phần sở hữu là: 64%
13. Công ty Cổ phần Ô tô Nam Sông Hậu
- Địa chỉ: Lô E1-1 Đường Võ Nguyên Giáp, khu vực Thạnh Lợi, P. Phú Thứ, Q. Cái Răng, TP. Cần Thơ.
 - Tỷ lệ phần sở hữu là: 51%
14. Công Ty TNHH Xe và Thiết bị chuyên dùng Vĩnh Thịnh
- Địa chỉ: Quốc lộ 14, Ấp 1, Xã Đồng Tiến, Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước;
 - Tỷ lệ phần sở hữu là: 55%

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

b. Danh sách các công ty liên doanh, liên kết

1. Công ty TNHH Ô tô Lâm Đồng
 - Địa chỉ: 200 Quốc Lộ 20, tổ 3, TT. Liên Nghĩa, H. Đức Trọng, Tỉnh Lâm Đồng
 - Tỷ lệ phần sở hữu là: 50%
2. Công ty TNHH Toyota Lý Thường Kiệt
 - Địa chỉ: 188 Lê Trọng Tấn, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Tp.HCM
 - Tỷ lệ phần sở hữu là: 35%
3. Công ty Cổ Phần Ô tô Bắc Âu (Volvo)
 - Địa chỉ: 340-340A Nguyễn Văn Linh, Phường Bình Thuận, Quận 7, Tp.HCM;
 - Tỷ lệ phần sở hữu là: 32%.
4. Công ty Cổ Phần Ô tô Sao Tây Nam (Hyundai Cần Thơ)
 - Địa chỉ: 91 Cách Mạng Tháng 8, P.An Thới, Quận Bình Thủy, Tp.Cần Thơ
 - Tỷ lệ phần sở hữu: 43,8%
5. Công ty Cổ phần Đầu tư Savico
 - Địa chỉ: 66-68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 1, TP.HCM
 - Tỷ lệ phần sở hữu là: 40%
6. Công Ty Cổ Phần TOYOTA Đông Sài Gòn.
 - Địa chỉ: 507 Xa Lộ Hà Nội, Quận 2, Tp.HCM
 - Tỷ lệ phần sở hữu là: 30,3%
7. Công Ty Cổ phần dịch vụ Ô Tô Thành Phố Mới Bình Dương (Binhduong Ford)
 - Địa chỉ: Lô C13, Đường Nguyễn Huệ, Khu Liên hợp, Phường Hòa Phú, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương;
 - Tỷ lệ phần sở hữu là: 30,6%

III. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Tuyên bố về việc tuân thủ

Báo cáo tài chính này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty cũng lập và phát hành riêng rẽ báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty, báo cáo tài chính này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

2. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

3. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

4. Cơ sở đo lường

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

IV. TÓM TẮT NHỮNG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

1. Các giao dịch bằng ngoại tệ:

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

3. Các khoản đầu tư

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán được Công ty nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tức là mua vào bán ra để thu lợi nhuận trong thời gian ngắn. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập khi giá thị trường của chứng khoán giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của chúng. Sau khi khoản dự phòng được lập, nếu giá thị trường của chứng khoán tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của chứng khoán kinh doanh không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản phải thu từ cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng.

Các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

4. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được được phản ánh theo nguyên giá trừ dự phòng phải thu khó đòi.

Phương pháp lập dự phòng công nợ khó đòi được thực hiện theo các quy định hiện hành.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp đích danh đối với dự án bất động sản và bình quân gia quyền đối với những hàng tồn kho khác và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của các dự án bất động sản gồm chi phí quyền sử dụng đất, cải tạo đất và chi phí xây dựng. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho, trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

6. Tài sản cố định hữu hình, Tài sản cố định vô hình, bất động sản đầu tư

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

Nhà cửa vật kiến trúc	06 – 42 năm
Máy móc thiết bị	03 – 10 năm
Phương tiện vận tải	06 năm

Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Tổng Giám đốc. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính như sau:

Quyền sử dụng đất	18-50 năm
Nhà cửa	5-45 năm

7. Xây dựng cơ bản dở dang

Các dự án đang được xây dựng và phát triển cho mục đích sử dụng hỗn hợp trong tương lai như tài sản cố định, bất động sản đầu tư và tài sản để bán (hàng tồn kho) được phân loại là xây dựng cơ bản dở dang và được thể hiện theo nguyên giá, cho đến khi việc xây dựng hoặc phát triển được hoàn thành hoặc nguyên giá được xác định một cách đáng tin cậy cho các tài sản này, tại thời điểm đó chúng được phân loại và sau đó được ghi nhận là tài sản cố định, bất động sản đầu tư hoặc hàng tồn kho, như được trình bày trong các thuyết minh tương ứng.

Tất cả các chi phí trực tiếp liên quan đến việc mua và phát triển một dự án, chi phí phát sinh từ quyền sử dụng đất đi thuê, và tất cả chi phí vốn sau đó cho việc phát triển đủ điều kiện là chi phí mua được vốn hóa.

Chi phí vay được vốn hóa nếu liên quan trực tiếp đến việc mua, xây dựng hay sản xuất một tài sản đủ điều kiện vốn hóa. Việc vốn hóa chi phí vay bắt đầu khi các hoạt động cần thiết trong việc chuẩn bị tài sản đang được tiến hành và các chi phí cho việc đầu tư xây dựng và chi phí vay bắt đầu phát sinh. Việc vốn hóa chi phí vay sẽ chấm dứt khi tài sản hầu như đã trong trạng thái sẵn sàng sử dụng. Việc vốn hóa bị tạm ngưng khi việc xây dựng hay sản xuất tài sản đủ điều kiện vốn hóa bị tạm ngưng. Tỷ lệ vốn hóa được tính bằng cách tham chiếu đến lãi suất thực tế phải trả trên các khoản vay cho mục đích phát triển, hoặc phần của chi phí phát triển được tài trợ bởi khoản vay chung, được phân bổ dựa trên lãi suất trung bình.

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

9. Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Công ty ghi nhận phần vốn góp nhận được từ các bên đối tác của hợp đồng hợp tác kinh doanh là phải trả khác và phần vốn góp của Công ty vào các đối tác của hợp đồng hợp tác kinh doanh là phải thu khác. Đối với các hợp đồng chia sản phẩm và lợi nhuận mà Công ty không kiểm soát dự án, thu nhập phát sinh từ các hợp đồng này được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo hợp đồng thỏa thuận giữa các bên.

10. Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

11. Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần tiền nhận được cao hơn mệnh giá của cổ phiếu phát hành được ghi vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

12. Thuế thu nhập doanh nghiệp:

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập doanh nghiệp liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập doanh nghiệp này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp cho thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các khoản chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

13. Quỹ thuộc vốn chủ sở hữu

Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối hàng năm theo tỷ lệ do các cổ đông quyết định trong đại hội cổ đông thường niên.

14. Doanh thu

Doanh thu chuyển nhượng quyền sử dụng đất và bán nhà theo mẫu thiết kế sẵn không theo yêu cầu riêng của từng khách hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu. Việc chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích được xác định tại thời điểm muộn hơn giữa thời điểm bán hoặc thời điểm hoàn thành bất động sản.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

Doanh thu từ các dịch vụ cung cấp được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tỷ lệ hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có các yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

15. Doanh thu hoạt động tài chính

Thu nhập lãi tiền gửi và cho vay được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi nhận được thông báo khớp lệnh của các giao dịch chứng khoán kinh doanh từ Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (đối với chứng khoán đã niêm yết) hoặc khi hoàn thành thỏa thuận chuyển giao tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức cổ phần không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước ngày mua lại khoản đầu tư được ghi giảm giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư.

16. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay phát sinh trong giai đoạn xây dựng sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

17. Thông tin so sánh.

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm trước.

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN.**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
V.1. Tiền		
Tiền mặt	2.851.995.265	2.234.468.351
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	6.990.869.788	3.345.767.376
Các khoản tương đương tiền	50.000.000.000	29.000.000.000
Cộng	59.842.865.053	34.580.235.727

V.2. Các khoản đầu tư tài chính

a. Các khoản đầu tư ngắn hạn	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
CTy CP ĐTXD và TM Thái Bình Dương	14.000.000.000	(9.000.000.000)	14.000.000.000	(9.000.000.000)
CTy CP DL Bến Thành - Non Nước	9.000.000.000	(2.517.741.644)	9.000.000.000	(2.517.741.644)
CTy CP Bảo Hiểm Toàn Cầu	6.300.000.000	(5.040.000.000)	6.300.000.000	(5.040.000.000)
Cty CP ĐT KD Tổng Hợp Điện Lực	13.500.000.000	(4.320.000.000)	13.500.000.000	(4.320.000.000)
Cty CP Tập Đoàn Thép Tiến Lên	22.740	-	22.740	-
Tiền gửi kỳ hạn 6 tháng tại NH OCB	20.000.000.000	-	15.000.000.000	-
Tổng cộng	62.800.022.740	(20.877.741.644)	57.800.022.740	(20.877.741.644)
b. Đầu tư vốn góp vào đơn vị khác	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con				
Công ty CP Đầu tư Đà Nẵng Sơn Trà	93.320.000.000	(4.722.375.539)	93.320.000.000	(4.722.375.539)
Công ty CP Ô tô Nam Sông Hậu	25.500.000.000	-	25.500.000.000	-
CTy TNHH Xe và TB chuyên dùng Vĩnh Thịnh	11.000.000.000	(4.759.422.262)	11.000.000.000	(4.759.422.262)
Cty CP Ô tô Vĩnh Thịnh	18.000.000.000	(5.253.879.984)	18.000.000.000	(5.253.879.984)
Công Ty TNHH TMDV Sài Gòn	7.102.684.814	-	7.102.684.814	-
Công ty CP Ô tô Sài Gòn Cửu Long	10.100.000.000	-	10.100.000.000	-
Công ty CP Ô tô Tây Bắc Sài Gòn	39.960.000.000	(12.145.403.700)	39.960.000.000	(12.145.403.700)
Cty Cổ phần Ô tô S	11.563.640.000	(11.138.872.931)	11.563.640.000	(11.138.872.931)
Công ty CP SAVICO Hà Nội	56.000.000.000	-	56.000.000.000	-
Cty CP Savico Đà Nẵng	39.942.000.000	-	39.942.000.000	-
Công Ty CP Sài Gòn Ngôi Sao	13.026.895.000	-	13.026.895.000	-
Cty Cổ phần DV Sài Gòn Ô tô	44.763.000.000	-	44.763.000.000	-
CTy LD TOYOTA Giải Phóng	29.731.231.272	-	29.731.231.272	-
Cty TNHH ô tô TOYOTA Cần Thơ	48.002.395.273	-	48.002.395.273	-
Cộng	448.011.846.359	(38.019.954.416)	448.011.846.359	(38.019.954.416)
Đầu tư vào công ty liên kết				
Cty TNHH Toyota Lý Thường Kiệt	16.925.119.945	-	16.925.119.945	-
Công ty TNHH Ô tô Lâm Đồng	2.250.000.000	(550.292.666)	2.250.000.000	(550.292.666)
Cty Cổ phần Ô tô Bắc Âu	19.200.000.000	-	19.200.000.000	-
Cty Cổ phần Sao Tây Nam	17.520.000.000	-	17.520.000.000	-
Cty cổ phần Đầu tư Savico	64.000.000.000	-	64.000.000.000	-
Cty CP TOYOTA Đông Sài Gòn	29.106.059.000	-	29.106.059.000	-
Cty CP Dịch vụ ô tô TP mới Bình Dương	15.393.000.000	-	15.393.000.000	-
Cộng	164.394.178.945	(550.292.666)	164.394.178.945	(550.292.666)
Tổng cộng	612.406.025.304	(38.570.247.082)	612.406.025.304	(38.570.247.082)

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

V.3. Phải thu khách hàng

Nội dung	Số cuối kỳ 15.254.851.568	Số đầu năm 12.749.519.907
- Công ty CP Vạn Vạn An	6.250.000.000	6.250.000.000
- Công Ty Bất động sản RED-HOUSE	1.850.860.000	1.240.800.000
- Công Ty CP QL BĐS Hoàng Gia	2.213.470.000	1.273.470.000
- Công ty CP Tập đoàn Giáo dục Egroup	2.586.000.000	1.786.745.000
- Các khoản phải thu khách hàng khác	2.354.521.568	2.198.504.907

V.4. Phải thu khác

Nội dung	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Giá trị	Giá trị
a. Ngắn hạn	8.723.509.626	6.176.073.545
- Phải thu các bên có liên quan	8.121.900.146	5.907.869.116
- Ký cược, ký quỹ	91.127.484	89.330.184
- Phải thu khác	510.481.996	178.874.245
b. Dài hạn	161.086.292.675	160.990.609.121
- Ký cược, ký quỹ	27.229.836.000	27.229.836.000
- Góp vốn hợp tác đầu tư (*)	127.790.835.428	127.695.151.874
- Các khoản ủy thác đầu tư	1.720.000.000	1.720.000.000
- Phải thu khác	4.345.621.247	4.345.621.247
Cộng	169.809.802.301	167.166.682.666

(*) Chi tiết các khoản mục **Góp vốn hợp tác đầu tư** như sau:

	Giá trị đầu tư
- Trung tâm tiệc cưới Melisa (hợp tác Công ty CP TITCO)	7.140.000.000
- Dự án 1014BThoại Ngọc Hầu, 9-15 Lê Minh Xuân (hợp tác Công ty CP TITCO)	1.835.031.826
- Dự án khu nhà ở Phường Bình An, Q.2 (hợp tác THUDUC HOUSE)	42.943.996.276
- Dự án Long Hòa - Cần Giò (Hợp tác Công ty CP FIDECO)	73.022.923.630
- Trung tâm kinh doanh Ô tô tại Cần Thơ (hợp tác Công ty ô tô SG Cửu Long)	2.848.883.696
Cộng	127.790.835.428

V.5. Hàng tồn kho

Nội dung	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Nguyên liệu, vật liệu	8.093.501	6.739.706
- Hàng hoá	14.438.878	-
- Chi phí SXKD dở dang	83.683.865.092	98.851.537.431
Cộng	83.706.397.471	98.858.277.137

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**V.6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Nội dung	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	2.157.957.854	2.833.135.634	6.286.629.220	11.277.722.708
Tăng trong kỳ	16.423.523.949	285.000.000	-	16.708.523.949
Thanh lý	-	-	-	-
Số cuối kỳ	18.581.481.803	3.118.135.634	6.286.629.220	27.986.246.657
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	1.978.916.792	2.781.205.247	3.704.027.000	8.464.149.039
Khấu hao trong kỳ	464.645.126	19.216.668	227.537.028	711.398.822
Thanh lý	-	-	-	-
Số cuối kỳ	2.443.561.918	2.800.421.915	3.931.564.028	9.175.547.861
Giá trị còn lại				
Số đầu kỳ	179.041.062	51.930.387	2.582.602.220	2.813.573.669
Số cuối kỳ	16.137.919.885	317.713.719	2.355.065.192	18.810.698.796

- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 3.983 triệu đồng.

V.7. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Nội dung	Phần mềm máy tính
Nguyên giá	
Số đầu năm	1.586.370.000
Mua mới	-
Số cuối kỳ	1.586.370.000
Giá trị hao mòn	
Số đầu năm	942.887.961
Khấu hao trong kỳ	62.458.332
Số cuối kỳ	1.005.346.293
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	643.482.039
Số cuối kỳ	581.023.707

- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 786 triệu đồng.

V.8. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Nội dung	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
a. Bất động sản đầu tư cho thuê				
Nguyên giá	164.521.792.920	-	-	164.521.792.920
- Nhà	21.274.558.827	-	-	21.274.558.827
- Nhà và quyền sử dụng đất	140.187.007.079	-	-	140.187.007.079
- Cơ sở hạ tầng	3.060.227.014	-	-	3.060.227.014

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá trị hao mòn	49.670.452.722	861.688.812	-	50.532.141.534
- Nhà	18.047.064.662	218.753.004	-	18.265.817.666
- Nhà và quyền sử dụng đất	28.563.161.046	642.935.808	-	29.206.096.854
- Cơ sở hạ tầng	3.060.227.014	-	-	3.060.227.014
Giá trị còn lại	114.851.340.198	-	861.688.812	113.989.651.386
- Nhà	3.227.494.165	-	218.753.004	3.008.741.161
- Nhà và quyền sử dụng đất	111.623.846.033	-	642.935.808	110.980.910.225
- Cơ sở hạ tầng	-	-	-	-

+ Nguyên giá BĐSĐT đã khấu hao hết nhưng vẫn đang sử dụng: 9.671 triệu đồng.

V.9. Tài sản dở dang dài hạn

Nội dung	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Xây dựng cơ bản dở dang	266.648.953.831	279.704.201.329
Dự án Hồ Tràm, Xuyên Mộc	255.209.052	255.209.052
Dự án 104 Phở Quang	266.216.698.507	266.216.698.507
Dự án TT trưng bày và dịch vụ Ôtô tại Daklak	177.046.272	153.663.545
Dự án nâng cấp kho 403 Trần Xuân Soạn	-	13.078.630.225

Thuyết minh cho chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang:

+ Dự án Hồ Tràm – Xuyên Mộc:	Đang trong giai đoạn nghiên cứu tiền khả thi.
+ Dự án 104 Phở Quang:	Đang làm việc với cơ quan chức năng về các phương án chuyển nhượng phù hợp với quy định pháp luật.
+ DA TT trưng bày và DV Ôtô tại Daklak:	Đã gia hạn chủ trương đầu tư và tiếp tục phát triển dự án.
+ Dự án nâng cấp kho 403 Trần Xuân Soạn:	Đã hoàn tất đưa vào sử dụng.

V.10. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	2.358.422.048	2.358.422.048
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng	1.031.073.062	1.031.073.062
Cộng	3.389.495.110	3.389.495.110

V.11. Phải trả người bán

Nội dung	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	425.928.400	425.928.400	202.168.593	202.168.593
- Công ty TNHH Hoa Sen Việt	-	-	176.240.193	176.240.193
- CTy TNHH Strategic Partner Consulting	400.000.000	400.000.000	-	-
- Phải trả người bán khác	25.928.400	25.928.400	25.928.400	25.928.400

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**V.12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

Nội dung	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
a. Phải nộp	2.083.340.631	15.447.251.124	3.203.765.517	14.326.826.238
- Thuế GTGT	343.148.472	1.017.387.272	841.950.975	518.584.769
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	11.527.520.689	-	11.527.520.689
- Thuế thu nhập cá nhân	894.023.677	1.913.579.161	2.103.834.759	703.768.079
- Các khoản phải nộp khác	846.168.482	988.764.002	257.979.783	1.576.952.701
b. Phải thu	1.550.887.015	-	-	1.550.887.015
- Thuế GTGT được khấu trừ	1.048.481.221	-	-	1.048.481.221
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	502.405.794	-	-	502.405.794

V.13. Chi phí phải trả ngắn hạn

Nội dung	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	13.498.643.548	14.560.370.479
- Chi phí sản xuất kinh doanh	4.500.000.000	4.500.000.000
- Chi phí dịch vụ chuyên nghiệp	8.700.000.000	9.785.150.000
- Khác	298.643.548	275.220.479

V.14. Phải trả khác

Nội dung	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a. Ngắn hạn	398.130.318.152	396.807.236.610
- Các khoản trích theo lương (KPCĐ, BHXH, BHYT, BHTN)	473.785.961	441.716.751
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	177.857.070	177.857.070
- Nhận góp vốn các dự án (**)	376.199.765.313	375.211.598.313
- Khoản góp vốn bổ sung dự án 91 Pasteur	13.918.457.552	13.755.483.552
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	7.360.452.256	7.220.580.924
b. Dài hạn	40.370.487.358	40.864.240.258
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	15.530.973.524	16.024.726.424
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	24.839.513.834	24.839.513.834
Cộng	438.500.805.510	437.671.476.868

(**) Các khoản nhận góp vốn các dự án:

- Dự án Tam Bình - Hiệp Bình Phước	29.051.561.516	28.063.394.516
- Dự án 104 Phở Quang	347.148.203.797	347.148.203.797
Cộng	376.199.765.313	375.211.598.313

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**V.15. Vốn chủ sở hữu****a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Vốn chủ sở hữu
Số dư 01/01/2020	249.955.730.000	317.064.858.303	(690.474.358)	24.938.303.806	163.341.416.097	754.609.833.848
Tăng vốn điều lệ	83.249.590.000	-	-	-	-	83.249.590.000
Chuyển tăng vốn	-	(83.249.590.000)	-	-	-	(83.249.590.000)
Lợi nhuận sau thuế trong kỳ	-	-	-	-	97.783.333.841	97.783.333.841
Trích kinh phí hoạt động HĐQT	-	-	-	-	(866.063.226)	(866.063.226)
Cổ tức	-	-	-	-	(24.975.507.000)	(24.975.507.000)
Số dư 31/12/2020	333.205.320.000	233.815.268.303	(690.474.358)	24.938.303.806	235.283.179.712	826.551.597.463
Lợi nhuận sau thuế trong kỳ	-	-	-	-	52.568.201.883	52.568.201.883
Số dư 31/03/2021	333.205.320.000	233.815.268.303	(690.474.358)	24.938.303.806	287.851.381.595	879.119.799.346

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Vốn góp của Nhà nước	135.904.300.000	135.904.300.000
- Vốn góp của các cổ đông khác	197.301.020.000	197.301.020.000
Cộng	333.205.320.000	333.205.320.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	333.205.320.000	333.205.320.000
+ Vốn góp đầu kỳ	333.205.320.000	249.955.730.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	83.249.590.000
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	24.975.507.000

d. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	33.320.532	33.320.532
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	33.320.532	33.320.532
+ Cổ phiếu phổ thông	33.320.532	33.320.532
- Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	20.066	20.066
+ Cổ phiếu phổ thông	20.066	20.066
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	33.300.466	33.300.466
+ Cổ phiếu phổ thông	33.300.466	33.300.466

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.**

VI.1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Quý 1/2021	Quý 1/2020
- Doanh thu bán hàng	676.497.856	1.414.161.347
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	20.973.106.683	18.656.691.562
- Doanh thu chuyển nhượng bất động sản	28.944.000.000	-
Cộng	50.593.604.539	20.070.852.909
VI.2. Giá vốn hàng bán	Quý 1/2021	Quý 1/2020
- Giá vốn của hàng hoá đã bán	267.310.992	539.634.232
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	6.392.364.403	7.019.677.302
- Giá vốn của bất động sản	16.352.332.921	-
Cộng	23.012.008.316	7.559.311.534
VI.3. Doanh thu hoạt động tài chính	Quý 1/2021	Quý 1/2020
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	246.313.461	830.268.241
- Cổ tức lợi nhuận được chia	44.486.710.000	20.406.986.500
- Khác	133.479.453	33.775.343
Cộng	44.866.502.914	21.271.030.084
	Quý 1/2021	Quý 1/2020
VI.4. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố		
- Chi phí mua hàng hoá, nguyên vật liệu	16.619.643.913	539.634.232
- Chi phí nhân công	4.116.149.214	4.966.640.862
- Chi phí khấu hao và phân bổ	1.918.438.100	635.256.028
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.821.090.627	8.573.998.834
- Chi phí khác	2.739.304.645	2.896.625.071
Cộng	31.214.626.499	17.612.155.027
	Quý 1/2021	Quý 1/2020
VI.5. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế	11.527.520.689	-

VII. GIẢI TRÌNH CHÊNH LỆCH CỦA QUÍ 1/2021 SO VỚI QUÍ 1/2020

CHỈ TIÊU	Quý 1/2021	Quý 1/2020	Chênh lệch	
			+/-	%
1. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	50.593.604.539	20.070.852.909	30.522.751.630	152,08
2. Giá vốn hàng bán	23.012.008.316	7.559.311.534	15.452.696.782	204,42
3. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ	27.581.596.223	12.511.541.375	15.070.054.848	120,45
4. Doanh thu hoạt động tài chính	44.866.502.914	21.271.030.084	23.595.472.830	110,93
5. Chi phí hoạt động tài chính	162.974.000	390.892.000	(227.918.000)	(58,31)
6. Chi phí hoạt động (Bán hàng và QLDN)	8.202.618.183	10.052.843.493	(1.850.225.310)	(18,40)
7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	64.082.506.954	23.338.835.966	40.743.670.988	174,57
8. Lợi nhuận khác	13.215.618	25.101.454	(11.885.836)	(47,35)
9. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	64.095.722.572	23.363.937.420	40.731.785.152	174,34

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

- ❖ Doanh thu thuần, giá vốn, lợi nhuận gộp quý 1/2021 tăng so với quý 1/2020 chủ yếu là do phát sinh hoạt động chuyên nhượng bất động sản.
- ❖ Doanh thu hoạt động tài chính quý 1/2021 tăng 110,93% so với quý 1/2020 chủ yếu là do tăng thu cổ tức của các đơn vị trong hệ thống.
- ❖ Chi phí hoạt động tài chính quý 1/2021 giảm 58,31% so với quý 1/2020 là do giảm chi phí lãi vay.
- ❖ Chi phí hoạt động quý 1/2021 giảm 18,4% so với quý 1/2020 là do Công ty thực hiện giảm chi phí bán hàng và chi phí tổ chức các hoạt động quản lý chung.

Tổng hợp biến động các chỉ tiêu trọng yếu nêu trên đã làm cho lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp quý 1/2021 tăng 40.732 triệu đồng tương ứng tăng 174,34% so với quý 1/2020.

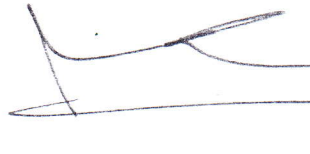
Tp.HCM, ngày 28 tháng 04 năm 2021

NGƯỜI LẬP BIỂU



Nguyễn Thanh Phong

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Ngô Văn Danh



TỔNG GIÁM ĐỐC



Phan Dương Cửu Long